

KẾ HOẠCH

Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng Nhiệm kỳ Đại hội XII trong Đảng bộ Liên minh HTX Việt Nam

Thực hiện Kế hoạch số 144-KH/ĐUK ngày 05/6/2019 của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Liên minh ban hành Kế hoạch tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII trong Đảng ủy Liên minh HTX Việt Nam như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổng kết toàn diện kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trong nhiệm kỳ.

- Việc tổng kết phải được triển khai thực hiện nghiêm túc từ cơ sở; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng sự thật, khách quan; phát huy dân chủ, trách nhiệm, tập hợp trí tuệ của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

- Báo cáo tổng kết phải bám sát đề cương, làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong thi hành Điều lệ Đảng; chỉ rõ nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm; đề xuất với cấp ủy cấp trên phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2021-2026.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ THỜI GIAN TIẾN HÀNH

1. Nội dung

Theo Đề cương và phụ lục, biểu mẫu gửi kèm (Đề cương và các phụ lục, biểu mẫu đăng trên Cổng thông tin điện tử Liên minh HTX Việt Nam).

2. Phương pháp tiến hành

- Đảng ủy Liên minh HTX Việt Nam xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể trong toàn Đảng bộ; thành lập Tổ Biên tập xây dựng báo cáo tổng kết của Đảng ủy (Tổ Biên tập); tổ chức Hội nghị BCH Đảng ủy mở rộng để thảo luận thông qua báo cáo trước khi gửi Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.

- Các Chi bộ, ĐBBP xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể trong đơn vị; tổ chức Hội nghị thảo luận thông qua báo cáo trước khi gửi Đảng ủy Liên minh HTX Việt Nam.

3. Thời gian thực hiện:

- Đối với các chi bộ, Đảng bộ bộ phận: tổng kết và gửi báo cáo về Văn phòng Đảng ủy **trước ngày 20/6/2019**.

- Đối với Đảng ủy Liên minh HTX Việt Nam: tổ chức Hội nghị tổng kết và gửi báo cáo về Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương **trước ngày 10/7/2019**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao đồng chí Nguyễn Mạnh Thảo - Phó Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy làm Tổ trưởng Tổ Biên tập xây dựng báo cáo tổng kết của Đảng ủy Liên minh HTX Việt Nam; các thành viên trong Tổ Biên tập gồm: đồng chí Lê Minh Tân - Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, đồng chí Phùng Khánh Toàn - Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ. Tổ Biên tập có nhiệm vụ tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng bộ Liên minh HTX Việt Nam.

2. Các tổ chức đảng, đảng viên có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu khi có yêu cầu của Tổ Biên tập xây dựng báo cáo.

3. Văn phòng Đảng ủy có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các chi bộ, Đảng bộ bộ phận tổ chức triển khai thực hiện; giúp việc Tổ Biên tập.

Đây là nội dung rất quan trọng, có phạm vi rộng, diễn ra trong cả nhiệm kỳ, song thời gian tiến hành ngắn, vì vậy yêu cầu các Chi bộ, Đảng bộ bộ phận, các tổ chức, cá nhân được phân công và có liên quan nêu cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác, phát huy trí tuệ tập thể để thực hiện kế hoạch đảm bảo nghiêm túc, chất lượng, đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Các chi bộ, ĐBBP (để th/h);
- Các đồng chí: Nguyễn Mạnh Thảo, Lê Minh Tân, Phùng Khánh Toàn (để th/h);
- Các Đ/c Ủy viên BCHĐU;
- Lưu: VPĐU.

**T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Mạnh Cường



ĐỀ CƯƠNG

Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII

(Kèm theo Kế hoạch số 144-KH/ĐUK, ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Đảng ủy Khối)

MỞ ĐẦU

- Khái quát về đặc điểm, tình hình cơ quan, đơn vị
- Những thuận lợi, khó khăn tác động trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Tổng kết, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trên các nội dung sau:

1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị

- Nêu những kết quả cụ thể trong nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh của đảng bộ (nếu có).
- Đánh giá việc nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong Đảng bộ Khối so với nhiệm kỳ trước, cấp ủy nào thể hiện rõ nhất vai trò, năng lực lãnh đạo.
- Năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, đường lối, Nghị quyết Đại hội XII và các văn bản của Trung ương và của Đảng ủy Khối, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên và cấp mình thành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị. Nêu một số nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch.. của cấp ủy đã ban hành, lãnh đạo thực hiện tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ.
- Đánh giá sự chuyển biến về năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương, của Đảng ủy Khối và nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên cơ sở và cấp cơ sở)
- Bàn lĩnh chính trị của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp của cơ quan, đơn vị; trong tự phê bình và

phê bình; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch...

- Những nội dung khác (nếu có).

2. Công tác tư tưởng, lý luận

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển lý luận của Đảng: việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng và phát triển hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho từng đối tượng.

- Đổi mới hình thức học tập, cách thức quán triệt, cụ thể hóa các nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của Đảng phù hợp với từng cơ quan, đơn vị.

- Việc đổi mới chương trình, nội dung và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Nội dung, phương pháp, kết quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch.

- Những nội dung khác (nếu có).

(Nêu cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong việc: phổ biến quán triệt các nghị quyết của Đảng; giáo dục chính trị tư tưởng cho từng đối tượng cán bộ, đảng viên; nội dung và hình thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; công tác báo chí và định hướng dư luận xã hội...)

3. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc ban hành các quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa nội dung xây dựng Đảng về đạo đức.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

- Kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Kết quả thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Việc rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên.

- Việc cụ thể hóa nội dung nêu gương đối với cán bộ, đảng viên ở từng cấp; kết quả thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo (Quy định 08 - QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 55 - QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị; Quy định số 101 - QĐ/TW, ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); việc phát hiện, biểu dương những cá nhân thực hiện tốt; giám sát thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- Công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm của cán bộ, đảng viên.

- Giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Về đạo đức công vụ, tinh thần, thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp của cán bộ, đảng viên.

- Vấn đề đoàn kết, thống nhất trong nội bộ tổ chức đảng.

- Những nội dung khác (nếu có).

(Nêu cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về: triển khai, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện; cụ thể hóa để triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ thị; việc nhận diện và khắc phục, sửa chữa những biểu hiện suy thoái của cán bộ, đảng viên, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả đạt được...)

4. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt và xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương về đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (*Nghị quyết số 18 - NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19 - NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*).

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy đảng các cấp; việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của các tổ chức đảng. Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trong các cơ quan đảng.

- Việc thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn hệ thống chính trị; kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; phân công, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

- Những nội dung khác (nếu có).

5. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

- Đánh giá thực chất về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết, kế hoạch, quy định, quy chế để đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên (*mô hình tổ chức đảng ở cơ sở; công tác xây dựng đảng, phát triển đảng viên ở các đơn vị kinh tế tư nhân; công tác quản lý đảng viên...*).

- Kết quả kiện toàn, sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Đánh giá việc ban hành và thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém; thành lập các tổ chức đảng ở những đơn vị mới thành lập chưa có tổ chức đảng.

- Nâng cao chất lượng sinh đảng, sinh hoạt chi bộ.

- Kết quả xây dựng đội ngũ cấp ủy, bí thư cấp ủy; nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên; kết quả rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Việc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng đối với cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy.

- Đánh giá công tác phát triển, quản lý, giáo dục đảng viên, nhất là ở tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước.

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy.

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm.

- Những nội dung khác (nếu có).

6. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ

- Thê chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Trung ương về công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ (*Nghị quyết số 26 - NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*). Đánh giá việc ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ.

- Đánh giá việc ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp cán bộ và quy trình của công tác cán bộ.

- Việc thực hiện Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ gắn với phát huy quyền, trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu của các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

- Việc xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ.

- Việc đổi mới phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, nhất là người đứng đầu theo các tiêu chí: bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung đã phù hợp chưa? Nếu chưa phù hợp, cần phải tiếp tục đổi mới thế nào?

- Kết quả thực hiện công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, thực hiện chính sách cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ và kỷ luật cán bộ (có số liệu cụ thể chứng minh).

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức, tình hình và kết quả, vướng mắc, bất cập của công tác bảo vệ chính trị nội bộ nhất là vấn đề chính trị hiện nay; Quy định số 126 - QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Cần đổi mới nội dung gì?

- Những nội dung khác (nếu có).

7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Việc thực hiện các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng (*Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/2/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về Thi hành chương VII và chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng...*).

- Việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; việc xử lý những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp; việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng, nhất là tự kiểm tra, giám sát.

- Sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan.

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong nhiệm kỳ (có số liệu cụ thể chứng minh).

- Những nội dung khác (nếu có).

8. Công tác dân vận và tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Kết quả việc thực hiện phương châm cán bộ, đảng viên phải thực sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân dựa vào dân và có trách nhiệm với dân.

- Việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng phù hợp với thực tiễn, đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

- Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại với dân; giải quyết những bức xúc, kiến nghị và khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

- Việc thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” nhất là nội dung nhân dân làm chủ và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả ở cơ quan, đơn vị?

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước.

- Hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức lối sống.

- Việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo và tăng cường mối quan hệ lãnh đạo giữa Đảng và nhân dân.

- Làm rõ sự chuyển biến niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII.

- Những nội dung khác (nếu có).

9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Trung ương về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Vấn đề thực thi trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và các cơ quan khác trong hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Việc phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đoàn thể trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Việc tự phát hiện tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn, xử lý tình trạng những nhiễu, tiêu cực, “tham nhũng vặt”.

- Kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thu hồi tài sản tham nhũng (có số liệu cụ thể chứng minh).

- Những nội dung khác (nếu có).

(Nêu các lĩnh vực thường xảy ra tham nhũng; các vụ án, vi việc tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm đã được xử lý, chưa được xử lý; kết quả xử lý tập thể, cá nhân vi phạm, thu hồi tài sản tham nhũng. Cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...)

10. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với chính quyền.

- Việc đổi mới trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa thành văn bản pháp luật, quy chế, quy định, quy trình cụ thể.

- Việc xác định thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; quyền và trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu trong công tác cán bộ.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ trong bộ máy của hệ thống chính trị; tổ chức đảng giới thiệu đồng chí đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm, ứng cử vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Việc đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo bằng hành động nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý và người đứng đầu các cấp (*Những hành động gương mẫu, tiêu biểu của cán bộ, đảng viên có hiệu quả tạo sự lan tỏa đối với cấp dưới*).

- Kết quả việc đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Kết quả cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

- Những nội dung khác (nếu có).

II. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Việc hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương trong nghiên cứu, sơ kết, tổng kết để xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hóa Điều lệ Đảng; tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất và sự phù hợp với tình hình thực tế, tính khả thi (*đánh giá kỹ về các nội dung chưa thực hiện được, khó thực hiện, thực hiện không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với thực tế...*) của các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Đánh giá về công tác tham mưu cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của các ban đảng ở Trung ương.

2. Về đảng viên

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Tiêu chuẩn của đảng viên và điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng đã phù hợp chưa? Cần bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn, điều kiện gì để nâng cao chất lượng đảng viên?

- Việc thực hiện các quyền của đảng viên trong tình hình hiện nay: quyền được thông tin, thảo luận và biểu quyết, quyền ứng cử, đề cử, bầu cử; quyền phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị và yêu cầu được trả lời; quyền trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình. Các quyền trên đây đã đầy đủ chưa? Cần bổ sung, sửa đổi những nội dung nào cho phù hợp?

- Việc thực hiện các nhiệm vụ của đảng viên.

- Việc thực hiện các quyền của đảng viên dự bị.

- Thủ tục kết nạp đảng viên (*kể cả kết nạp lại*). Điều kiện, thời gian để kết nạp lại đảng viên.

- Trách nhiệm của cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong việc phát triển đảng viên ở những nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu người vào Đảng.

- Thời gian dự bị đối với đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật khiển trách, cảnh cáo trong thời gian thử thách đã phù hợp chưa?

- Thủ tục, thẩm quyền xét, công nhận đảng viên chính chính thức.

- Việc phát, quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng.

- Về thẩm quyền của chi bộ trong việc quyết định giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên tuổi cao, sức yếu.

- Việc thực hiện chế độ sinh hoạt đảng định kỳ của đảng viên.

- Các trường hợp xóa tên đảng viên.

- Thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định xóa tên đảng viên trong một số trường hợp cụ thể và giải quyết khiếu nại.

- Thẩm quyền, thủ tục, quy trình xem xét và quyết định cho đảng viên ra khỏi Đảng.

- Những nội dung khác (nếu có).

3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ với các nội dung quy định trong Điều lệ Đảng:

+ Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

+ Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ.

+ Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc; thực hiện tự phê bình và phê bình.

+ Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

+ Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa thành viên của cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét các ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

+ Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

- Về việc lập hệ thống tổ chức của Đảng: Tổ chức của Đảng được lập tương ứng với tổ chức hành chính của Nhà nước; tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác; tổ chức đảng được lập ở những nơi có đặc điểm riêng đã phù hợp chưa, cần bổ sung, sửa đổi gì?

- Việc thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng: Đánh giá việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong bầu cử, bảo đảm đúng đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo của cấp ủy và thường vụ cấp ủy...

- Về đại biểu dự đại hội: Tính hợp lý về quy định số lượng, cơ cấu và tiêu chí phân bổ đại biểu. Việc chỉ định đại biểu trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội. Về thẩm tra tư cách đại biểu, bác bỏ tư cách đại biểu dự đại hội đảng các cấp.

- Về cấp ủy viên các cấp: Tiêu chuẩn cấp ủy viên; số lượng cấp ủy viên của từng cấp và việc đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi nhiệm kỳ.

- Các nhiệm vụ của đoàn chủ tịch tại đại hội và các nội dung liên quan đến bầu cử: đại biểu nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử; thảo luận và biểu quyết thông qua danh sách bầu cử, hình thức bầu cử bằng phiếu kín và cách tính kết quả bầu cử, việc bầu thêm khi chưa đủ số lượng quy định.

- Về cấp ủy và cấp ủy viên khóa mới: Việc nhận bàn giao và điều hành công việc của cấp ủy khóa mới. Thẩm quyền bổ sung cấp ủy viên thiếu và chỉ định tăng thêm cấp ủy viên. Thẩm quyền điều động cấp ủy viên và tỷ lệ cấp ủy viên tối đa được điều động trong tổng số cấp ủy viên do đại hội bầu. Thẩm quyền, thủ tục cho cấp ủy viên rút khỏi cấp ủy, cho thôi cấp ủy viên; việc ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Việc chỉ định cấp ủy viên ở những tổ chức đảng được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ. Việc chỉ định cấp ủy viên đối với tổ chức đảng không thể tổ chức đại hội được.

- Tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy.

- Những nội dung khác (nếu có).

4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương

Đánh giá tính hợp lý trên các nội dung:

- Về Đại hội đại biểu toàn quốc: Các nội dung của Đại hội. Số lượng Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương; việc xem xét chuyển Ủy viên Trung ương dự khuyết để thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương: Nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ. Thẩm quyền quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới.

- Về quy định nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; việc bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương nên giữ như quy định hiện hành hay do Đại hội bầu thì hợp lý hơn? Vì sao? Nhiệm vụ lãnh đạo kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ. Nhiệm vụ của Ban Bí thư trong lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo trong công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng...

- Những nội dung khác (nếu có).

5. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Đảng bộ Khối

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Các vấn đề trong quy định về Đại hội Đảng bộ Khối, đại hội các đảng bộ trực thuộc: Các nội dung của đại hội. Cơ cấu, số lượng đại biểu dự Đại hội Đảng bộ Khối, đại hội các đảng bộ trực thuộc (*tính hợp lý trong nguyên tắc phân bổ đại biểu dự đại hội giữa các đảng bộ trực thuộc*). Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra từng cấp. Việc bầu ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy nên giữ như quy định hiện hành hay do đại hội bầu thì hợp lý hơn? Vì sao?

- Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy; quy chế làm việc và chế độ sinh hoạt của từng tổ chức.

- Những nội dung khác (nếu có).

6. Về tổ chức cơ sở đảng

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Nhận thức về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

- Các nội dung của đại hội cấp cơ sở.
- Số lượng cấp ủy viên của đảng bộ cơ sở.
- Số lượng đảng viên tối thiểu để lập chi bộ (3 đảng viên chính thức trở lên), đảng bộ cơ sở (30 đồng chí chính thức trở lên) đã hợp lý với tình hình hiện nay chưa?
- Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của đảng bộ bộ phận có hiệu quả, có phù hợp không? Đề xuất việc bổ sung, sửa đổi.
- Chế độ sinh hoạt của chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở.
- Hình thức sinh hoạt của một số loại hình chi bộ đã thực sự phù hợp với tình hình hiện nay hay chưa, nhất là ở các chi bộ có đông đảng viên, có đảng viên hoạt động phân tán...?
- Có nên quy định thống nhất nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở như nhiệm kỳ của chi bộ cơ sở?
- Việc ủy quyền cho đảng ủy cơ sở được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên.
- Các nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng: Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả; xây dựng đảng bộ, chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh; liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Các nhiệm vụ nêu trên đã phù hợp chưa? Nếu chưa phù hợp thì cần bổ sung, sửa đổi như thế nào?
- Việc cụ thể hóa và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở theo các quy định của Trung ương.
- Những nội dung khác (nếu có)

7. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Việc thực hiện quy định tổ chức đảng phải tiến hành kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

- Chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp (*theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên*).

- Việc thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp:

Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý, tổ chức đảng cấp dưới về những nội dung theo quy định; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp...

- Những nội dung khác (*nếu có*)

8. Về khen thưởng, kỷ luật

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung và nêu số liệu, dẫn chứng minh họa:

- Thẩm quyền, các hình thức khen thưởng đã phù hợp chưa?

- Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng.

- Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Tình hình thi hành kỷ luật và việc chấp hành kỷ luật đảng.

- Các hình thức kỷ luật tổ chức đảng.

- Các hình thức kỷ luật đảng viên, kỷ luật đảng viên đã vi phạm ở nhiệm kỳ trước, nay đã nghỉ hưu và chuyển công tác khác?.

- Thẩm quyền, quy trình, thủ tục thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Khiếu nại và thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Tính phù hợp của các nội dung trong quy định, hướng dẫn quy trình, thủ tục thi hành kỷ luật đảng.

- Tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng và kỷ luật Nhà nước.
- Việc quy định và thực hiện các nội dung về hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với đảng viên phạm tội hình sự.
- Việc lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán.
- Về thời hạn để bổ nhiệm, giới thiệu vào cấp ủy đối với đảng viên bị kỷ luật cách chức.
- Những nội dung khác *(nếu có)*

9. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung:

- Việc tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và hiệu quả lãnh đạo thực hiện.
- Việc Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.
- Về mô hình tổ chức và mối quan hệ của đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp ủy đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương.
- Những nội dung khác *(nếu có)*

10. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành các nội dung:

- Việc cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ.
- Việc đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.
- Những nội dung khác *(nếu có)*

11. Về tài chính của Đảng

Đánh giá tính hợp lý về việc hình thành nguồn thu và quản lý tài chính, tài sản của Đảng:

- Nguồn thu từ đảng phí và mức đóng đảng phí của đảng viên.
- Nguồn thu từ kinh tế đảng (doanh nghiệp của Đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng...).
- Từ ngân sách Nhà nước.
- Các nguồn thu khác.
- Về các quy định quản lý tài chính, tài sản của Đảng của Ban Chấp hành Trung ương (quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên).
- Việc báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của các cấp ủy.
- Những nội dung khác (nếu có).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm và kết quả nổi bật

- Về nhận thức.
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; việc tuyên truyền, học tập quán triệt.
- Về thể chế hóa, cụ thể hóa các văn bản về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.
- Những kết quả nổi bật công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trong nhiệm kỳ.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Về nhận thức.
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.
- Về thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Đảng.
- Việc chấp hành Điều lệ Đảng, các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.
- Những hạn chế, khuyết điểm của công tác xây dựng Đảng và những vướng mắc, bất cập trong thi hành Điều lệ Đảng.

3. Nguyên nhân ưu điểm và hạn chế, khuyết điểm

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua nghiên cứu, bước đầu Tiểu ban Điều lệ Đảng gợi mở một số bài học kinh nghiệm dưới đây, đề nghị cấp ủy, tổ chức đảng từ thực tiễn tổng kết của cơ quan, đơn vị đề xuất bổ sung, hoàn thiện.

Một là, thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Bám sát Cương lĩnh, Điều lệ và các nghị quyết của Đảng, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng; nắm chắc tình hình và chủ động tham mưu, đề xuất, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Điều lệ Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cho phù hợp với thực tế.

Hai là, phải chủ động, tích cực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; có tư duy đổi mới, sáng tạo, cách tiếp cận khoa học, phù hợp; mạnh dạn tổ chức thực hiện với bước đi chắc chắn, không chủ quan, nóng vội; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện các mặt của công tác xây dựng Đảng.

Ba là, phải coi trọng công tác nghiên cứu, cụ thể hóa Điều lệ Đảng bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng. Trong tổ chức thi hành cần phải giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Điều lệ Đảng.

Bốn là, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng; thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

Năm là, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước để triển khai thực hiện bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sáu là, thường xuyên quan tâm quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025 VÀ ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG (NẾU CÓ)

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Phương hướng

Trong nhiệm kỳ tới, trước yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới, đòi hỏi phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng; tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững; củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Việc gọi mở, dự kiến phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ tới như trên và từ thực tiễn công tác của cấp ủy, tổ chức đảng tại cơ quan, đơn vị cần bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ hơn nội dung nào?

2. Nhiệm vụ, giải pháp công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020, các cấp ủy nghiên cứu, cụ thể hóa thành những nhiệm vụ theo hướng kế thừa, phát triển những nhiệm vụ của nhiệm kỳ trước và bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Trong đó cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị.
- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận.
- Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức.
- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.
- Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược; coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay.
- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.
- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.
- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

Trong quá trình tổng kết sẽ tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc những nội dung quan trọng của từng nhiệm vụ, giải pháp và sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

Cùng với việc thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, bước đầu Tiểu ban đề xuất tập trung nghiên cứu hai nhiệm vụ trọng tâm và ba giải pháp đột phá sau:

Hai nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; (2) Đổi mới căn bản và toàn diện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Việc thực hiện thành công hai nhiệm vụ trọng tâm này sẽ tạo nền tảng vững chắc của công tác xây dựng Đảng không những cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 mà còn cho cả các nhiệm kỳ tiếp theo.

Ba giải pháp đột phá: (1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về công tác xây dựng Đảng; (2) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; (3) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Đây là ba giải pháp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ trọng tâm nêu trên.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, đơn vị đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng tham gia, góp ý về các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đột phá nêu trên. Đồng thời đề xuất bổ sung nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá khác phù hợp với thực tiễn cơ quan, đơn vị.

II. NGUYÊN TẮC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CẦN NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG (NẾU CÓ)

1. Về nguyên tắc bổ sung, sửa đổi

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; bám sát Cương lĩnh chính trị (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013.

- Kế thừa cơ bản những nội dung của Điều lệ Đảng hiện hành; chỉ nghiên cứu bổ sung, sửa đổi những nội dung không còn phù hợp hoặc chưa rõ, những vấn đề đã được thực tiễn công tác xây dựng Đảng thời gian qua khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín muồi, phổ biến, được đa số ủng hộ và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc.

- Nghiên cứu đề đề xuất bổ sung vào Điều lệ Đảng một số nội dung mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng (nếu thực sự cần thiết).

2. Một số nội dung cần nghiên cứu, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

- Từ thực tiễn việc thi hành Điều lệ Đảng và nguyên tắc bổ sung, sửa đổi nêu trên, bước đầu Tiểu ban gợi ý một số nội dung để nghiên cứu, đề xuất có thể bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng như sau:

2.1. Phần mở đầu của Điều lệ Đảng

- Nghiên cứu, rà soát một số nội dung về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng cho nhất quán với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013.

- Nghiên cứu những nội dung mới về xây dựng Đảng đã được xác định trong Văn kiện Đại hội XII và các nghị quyết của Trung ương để đề xuất bổ sung, sửa đổi.

2.2. Về đảng viên

Nghiên cứu, xem xét, đề xuất để bổ sung, sửa đổi:

- Về tiêu chuẩn, điều kiện của người xin vào Đảng cho phù hợp với tình hình mới.
- Về việc đảng viên, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức Công đoàn giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng.
- Việc kết nạp đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân.
- Về nhiệm vụ của đảng viên.
- Về quyền của đảng viên.
- Nghiên cứu, bổ sung quy định về đảng viên có nhiều quốc tịch.
- Về khiếu nại liên quan đến quyền của đảng viên.
- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung quyền tố cáo của đảng viên được quy định trong Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

2.3. Về nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của Đảng

Nghiên cứu, đề xuất để bổ sung, sửa đổi:

- Về mô hình Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương.
- Vấn đề hợp nhất các cơ quan của Đảng với các cơ quan Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.
- Thẩm quyền, trách nhiệm của đại biểu đại hội đảng bộ các cấp trong và sau đại hội đến hết nhiệm kỳ.
- Việc thành lập ủy ban kiểm tra trong trường hợp tổ chức đảng được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ.

- Việc kiểm tra, giám sát hoạt động các cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp.

2.4. Tổ chức cơ sở đảng

Nghiên cứu, xem xét, đề xuất để bổ sung, sửa đổi:

- Về nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.
- Số lượng đảng viên tối thiểu để thành lập chi bộ, đảng bộ cơ sở.
- Mô hình tổ chức và hoạt động của đảng bộ, chi bộ có số lượng đảng viên đông.
- Việc sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở.
- Về chế độ sinh hoạt chi bộ định kỳ.
- Hình thức sinh hoạt của chi bộ, nhất là chi bộ đặc thù (chi bộ có đông đảng viên, chi bộ có nhiều đảng viên hoạt động phân tán...).
- Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của đảng bộ bộ phận.

2.5. Về ủy ban kiểm tra các cấp

Nghiên cứu, xem xét, đề xuất để bổ sung, sửa đổi:

- Về cơ chế bầu cử ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp.
- Thẩm quyền, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp.
- Tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp.

2.6. Về khen thưởng, kỷ luật

Nghiên cứu, xem xét, đề xuất để sửa đổi, bổ sung:

- Về hình thức, thẩm quyền khen thưởng trong Đảng.
- Về thẩm quyền của chi bộ đối với việc kỷ luật đảng viên.
- Thẩm quyền của tổ chức đảng cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên đối với việc kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới.
- Thẩm quyền giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng.
- Các hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng.
- Các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, đảng viên dự bị.
- Kỷ luật đảng đối với đảng viên đã nghỉ chế độ, chuyển công tác, thôi việc...
- Về đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên vi phạm.

- Về thẩm quyền và hình thức kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm.

- Về thời hiệu xử lý kỷ luật đảng.

2.7. Về một số vấn đề khác

- Nghiên cứu, bổ sung quy định về Đảng huy, Đảng kỳ, Đảng ca.

- Về kết cấu, bố cục của Điều lệ Đảng.

- Nghiên cứu, sửa đổi cách diễn đạt, sắp xếp nội dung.

- Bổ sung tên của từng điều trong Điều lệ Đảng.

- Bổ sung, sửa đổi nội dung của các chương, điều trong Điều lệ Đảng.

Ngoài những nội dung nêu trên, từ thực tiễn của công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng, cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên nghiên cứu, đề xuất những nội dung cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

(Trên cơ sở đề cương này, đề nghị các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Khối chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đảng trực thuộc tiến hành tổng kết cho phù hợp với đặc điểm, tình hình cơ quan, đơn vị mình).

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN CỤ THỂ HÓA, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII, CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỦA CẤP ỦY CẤP TỈNH TRONG NHIỆM KỲ

(Tên và trích yếu văn bản)

STT	Cơ quan ban hành	Tên văn bản	Thời gian ban hành
I	Công tác tư tưởng, lý luận		
II	Công tác xây dựng Đảng về đạo đức		
III	Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị		
IV	Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên		
V	Công tác cán bộ		
VI	Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng		
VII	Công tác dân vận		
VIII	Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí		

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

1. Đã thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy cấp tỉnh với sở nội vụ chưa?
2. Số lượng đơn vị cấp huyện đã thực hiện thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với phòng nội vụ (Nêu tên đơn vị cụ thể).
3. Đã thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh với thanh tra chưa?
4. Số lượng đơn vị cấp huyện đã thực hiện hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra (Nêu tên đơn vị cụ thể).
5. Các mô hình hợp nhất các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Nêu tên cụ thể cơ quan, đơn vị hợp nhất).
6. Các mô hình hợp nhất các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Nêu tên cụ thể cơ quan, đơn vị hợp nhất và tên huyện thực hiện mô hình hợp nhất).
7. Đã thí điểm hợp nhất văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội với văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân chưa?
8. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện đã thực hiện hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.
9. Có thực hiện hợp nhất đảng bộ khối cơ quan với đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh không?
10. Kết quả sắp xếp ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp tỉnh.
11. Kết quả sắp xếp các ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện (số lượng, tên các ban chỉ đạo giảm).
12. Kết quả sắp xếp các ban quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện (số lượng, tên các ban quản lý giảm).
13. Kết quả sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện (Nêu tên cụ thể).
14. Kết quả sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã (Nêu số lượng đơn vị hành chính giảm, số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách giảm, số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm hằng năm).
15. Kết quả sáp nhập thôn, tổ dân phố (Nêu số lượng thôn, tổ dân phố giảm, số lượng người hoạt động không chuyên trách giảm, số kinh phí tiết kiệm).
16. Các mô hình khác (nếu có).

THỐNG KÊ ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

Biểu số 1

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Quận			
2	Huyện			
3	Thị xã			
4	Thành phố trực thuộc tỉnh			
5	Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh			
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh			
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh			
8	Quân sự			
9	Biên phòng			
10	Công an			
11	Đảng bộ khác			
	Tổng cộng			

- (*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII
- Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng...năm 20....
T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ VÀ ĐẢNG VIÊN

Biểu số 2

Loại hình cơ sở	Số tổ chức cơ sở đảng				Tổ chức đảng trực thuộc		Tổng số đảng viên
	Tổng số	Chia ra			Chia ra		
		Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc*	
1	2 = 3+4+5	3	4	5	6	7	8
1/1/2016							
1. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH							
2. Cơ quan Nhà nước							
3. Đơn vị sự nghiệp, gồm:							
a) Công lập							
b) Ngoài công lập							
4. Doanh nghiệp							
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước							
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ							
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên							
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ							
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước							
- Công ty Cổ phần							
- Công ty trách nhiệm hữu hạn							
- Công ty hợp danh							
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài							
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài							
5. Cơ sở khác							
Cộng (1+...+5)							
30/6/2019							
1. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH							
2. Cơ quan Nhà nước							
3. Đơn vị sự nghiệp, gồm:							
a) Công lập							
b) Ngoài công lập							
4. Doanh nghiệp							
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước							
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ							
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên							
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ							
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước							
- Công ty Cổ phần							
- Công ty trách nhiệm hữu hạn							
- Công ty hợp danh							
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài							
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài							
5. Cơ sở khác							
Cộng (1+...+5)							

Loại hình cơ sở	Số tổ chức cơ sở đảng				Tổ chức đảng trực thuộc		Tổng số đảng viên
	Tổng số	Chia ra			Chia ra		
		Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc*	
1	2 = 3+4+5	3	4	5	6	7	8
30/9/2020**							
1. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH							
2. Cơ quan Nhà nước							
3. Đơn vị sự nghiệp, gồm:							
a) Công lập							
b) Ngoài công lập							
4. Doanh nghiệp							
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước							
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ							
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên							
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ							
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước							
- Công ty Cổ phần							
- Công ty trách nhiệm hữu hạn							
- Công ty hợp danh							
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài							
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài							
5. Cơ sở khác							
Cộng (1+...+5)							

(*) Chi bộ trực thuộc: Gồm các chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp trên cơ sở, trực thuộc đảng ủy cơ sở và trực thuộc đảng ủy bộ phận

(**) Số liệu này đảng ủy báo cáo trước khi đại hội đảng bộ để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII Đảng bộ Khối và báo cáo số liệu phục vụ Đại hội XIII của Đảng

Người lập biên
(số điện thoại liên hệ)

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...
T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ ĐỒNG THỜI LÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu số 3

STT	Loại hình cơ sở	Nhiệm kỳ 2010-2015			Nhiệm kỳ 2015-2020		
		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng CQ, ĐV		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng CQ, ĐV	
			Số lượng	%		Số lượng	%
1	Cơ quan hành chính						
2	Đơn vị sự nghiệp						
3	DN Nhà nước						
4	DN ngoài Nhà nước						
5	Loại hình khác						

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng....năm 20....
T/M BAN THƯỜNG VỤ

**THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ
VIỆC BỐ TRÍ KIỂM NHIỆM CÁN BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Biểu số 4

TT.	Tiêu chí	Thời điểm		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Số thôn, tổ dân phố			
	Trong đó: Số chưa có đảng viên			
	Số chưa có tổ chức đảng			
	Số chỉ bộ sinh hoạt ghép			
2	Bí thư chi bộ			
	Trong đó: Số kiêm trưởng thôn, tổ trưởng TDP			
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận			
	Số kiêm cả trưởng thôn, tổ trưởng TDP và trưởng ban công tác Mặt trận			
3	Trưởng thôn, tổ trưởng TDP			
	Trong đó: Số chưa là đảng viên			

) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng....năm 20....
T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Biểu số 5

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Số lượng			
	Trong đó : Nữ			
	Dự bị			
	Dân tộc thiểu số			
	Tôn giáo			
	Đoàn viên ĐTNCSHCM			
	Công nhân			
	Nông dân			
	Trí thức			
	Chủ doanh nghiệp tư nhân			
	Trong DN ngoài KV Nhà nước			
	Quân nhân xuất ngũ			
	Có quốc tịch nước ngoài (nếu có)			
	Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài			
	Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa			
	Được miễn công tác và sinh hoạt đảng			
2	Tuổi đời			
	18 đến 30 tuổi			
	31 đến 40 tuổi			
	41 đến 50 tuổi			
	51 đến 60 tuổi			
	61 tuổi trở lên			
	Tuổi bình quân			
3	Trình độ học vấn			
	Biết chữ Quốc ngữ			
	Tiểu học			
	Trung học cơ sở			
	Trung học phổ thông			
4	Trình độ chuyên môn			
	Trung cấp			
	Cao đẳng			
	Đại học			
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			
5	Trình độ lý luận chính trị			
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo			
	Trung cấp			
	Cao cấp, cử nhân			

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng....năm 20....
T/M BAN THƯỜNG VỤ

Biểu số 6

1) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

SO SÁNH CẤP ỦY TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 7

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
TỔNG SỐ						
Trong đó: - Dân tộc thiểu số						
- Tôn giáo						
- Nữ						
- Tái cử						
- Xuất thân là công nhân						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND						
- Cán bộ không là người địa phương						
I. Tuổi đời						
- Từ 18 - 30 tuổi						
- Từ 31 - 35 tuổi						
- Từ 36 - 40 tuổi						
- Từ 41 - 45 tuổi						
- Từ 46 - 50 tuổi						
- Từ 51 - 55 tuổi						
- Trên 55 tuổi						
II. Tuổi bình quân						
III. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ						
Sơ cấp						
Trung cấp						
Cao đẳng						
Đại học						
Thạc sĩ						
Tiến sĩ						
IV. Chức danh khoa học						
Phó giáo sư						
Giáo sư						
V. Trình độ lý luận chính trị						
Sơ cấp						
Trung cấp						
Cao cấp, cử nhân						
VI. Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch						
Chuyên viên (tương đương)						
Chuyên viên chính (tương đương)						
Chuyên viên cao cấp (tương đương)						

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày ... tháng ... năm 20...
T/M BAN THƯỜNG VỤ

SO SÁNH CẤP ỦY CẤP HUYỆN (TƯƠNG ĐƯƠNG) TRỰC THUỘC CẤP TỈNH
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 8

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
NG SỞ						
ng đó: - Dân tộc thiểu số						
- Tôn giáo						
- Nữ						
- Tái cử						
- Xuất thân là công nhân						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND						
- Cán bộ không là người địa phương						
n tích tổng số :						
uổi đời						
r 18 - 30 tuổi						
r 31 - 35 tuổi						
r 36 - 40 tuổi						
r 41 - 45 tuổi						
r 46 - 50 tuổi						
r 51 - 55 tuổi						
ên 55 tuổi						
ối bình quân						
ình độ chuyên môn nghiệp vụ						
c cấp						
ung cấp						
o đảng						
ử học						
ạc sỹ						
n sỹ						
hức danh khoa học						
ó giáo sư						
o sư						
ình độ lý luận chính trị						
cấp						
ung cấp						
o cấp, cử nhân						
ình độ quản lý nhà nước theo ngạch						
uyên viên (tương đương)						
uyên viên chính (tương đương)						
uyên viên cao cấp (tương đương)						

..., ngày...tháng...năm 20....

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

SO SÁNH CẤP ỦY CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 9

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
NG SỞ						
ng đó: - Dân tộc thiểu số						
- Tôn giáo						
- Nữ						
- Tái cử						
- Xuất thân là công nhân						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND						
- Cán bộ không là người địa phương						
in tích tổng số :						
tuổi đời						
ừ 18 - 30 tuổi						
ừ 31 - 35 tuổi						
ừ 36 - 40 tuổi						
ừ 41 - 45 tuổi						
ừ 46 - 50 tuổi						
ừ 51 - 55 tuổi						
ên 55 tuổi						
uổi bình quân						
ình độ chuyên môn nghiệp vụ						
ơ cấp						
trung cấp						
ao đẳng						
ại học						
ạc sỹ						
ến sỹ						
hức danh khoa học						
ố giáo sư						
áo sư						
ình độ lý luận chính trị						
ơ cấp						
trung cấp						
ao cấp, cử nhân						

..., ngày...tháng....năm 20....

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biểu
 (số điện thoại liên hệ)

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Cấp ủy cấp trên cơ sở mở
			Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước									
3	Quản lý nhà nước									
thia	+ Bồi dưỡng trong nước									
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước									
4	Quản lý kinh tế									
thia	+ Bồi dưỡng trong nước									
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước									
5	Ngoại ngữ									
thia	+ Bồi dưỡng trong nước									
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước									
6	Tin học									
7	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới									
thia ra	- Đối tượng 1									
	- Đối tượng 2									
	- Đối tượng 3									
	- Đối tượng 4									
8	Quốc phòng- An ninh									
thia ra	- Đối tượng 1									
	- Đối tượng 2									
	- Đối tượng 3									
	- Đối tượng 4									

..., ngày...tháng...năm 20...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Nhiệm kỳ 2015 - 2020

Biểu số 10b

[illegible]

Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
	Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Do cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Do cấp ủy cấp trên cơ sở mở
		Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
+ Bồi dưỡng ngoài nước									
Quản lý nhà nước									
+ Bồi dưỡng trong nước									
+ Bồi dưỡng ngoài nước									
Quản lý kinh tế									
+ Bồi dưỡng trong nước									
+ Bồi dưỡng ngoài nước									
Ngoại ngữ									
+ Bồi dưỡng trong nước									
+ Bồi dưỡng ngoài nước									
Tin học									
Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới									
- Đối tượng 1									
- Đối tượng 2									
- Đối tượng 3									
- Đối tượng 4									
Quốc phòng- An ninh									
- Đối tượng 1									
- Đối tượng 2									
- Đối tượng 3									
- Đối tượng 4									

..., ngày...tháng...năm 20...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biên
(số điện thoại liên hệ)

[illegible]

Chức danh "bí thư", "phó bí thư": để tính ở cột 6, cột 7 (th) không tính cột 8, cột 9.

..., ngày...tháng...năm 20....

T/M BAN THƯỜNG VỤ

người lập biểu

(c) Chiết thoát liên hệ)

THỐNG KÊ
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

Biểu số 12

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	2	3	4	5
1	Số lượng			
	trong đó:			
	Nữ			
	Dân tộc thiểu số			
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác			
2	Độ tuổi			
	Dưới 45 tuổi			
	Từ 46 đến 50 tuổi			
	Từ 51 đến 55 tuổi			
	Từ 56 tuổi trở lên			
3	Trình độ chuyên môn			
	Trung cấp			
	Cao đẳng			
	Đại học			
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			
4	Lĩnh vực đào tạo			
	Nội chính, pháp luật			
	Quân đội			
	Công an			
	Kinh tế, tài chính			
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật			
	Khoa học xã hội, nhân văn			
	Xây dựng Đảng			
	Hành chính nhà nước			
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế			
5	Chức danh khoa học			
	Giáo sư			
	Phó giáo sư			
6	Trình độ lý luận chính trị			
	Sơ cấp			
	Trung cấp			
	Cao cấp, cử nhân			

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

..., ngày...tháng....năm 20....

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ

Biểu số 13

T	Chỉ tiêu	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý			Diện BTV Huyện ủy quản lý		
		1/1/2016	30/6/2019	30/9/2020*	1/1/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Số lượng						
	trong đó:						
	Nữ						
	Dân tộc thiểu số						
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác						
2	Độ tuổi						
	Dưới 40 tuổi						
	Từ 41 đến 45 tuổi						
	Từ 46 đến 50 tuổi						
	Từ 51 đến 55 tuổi						
	Từ 56 tuổi trở lên						
3	Trình độ chuyên môn						
	Trung cấp						
	Cao đẳng						
	Đại học						
	Thạc sỹ						
	Tiến sỹ						
4	Lĩnh vực đào tạo						
	Nội chính, pháp luật						
	Quân đội						
	Công an						
	Khoa học xã hội, nhân văn						
	Xây dựng Đảng						
	Hành chính nhà nước						
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế						
5	Chức danh khoa học						
	Giáo sư						
	Phó giáo sư						
5	Trình độ lý luận chính trị						
	Sơ cấp						
	Trung cấp						
	Cao cấp, cử nhân						

Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

..., ngày...tháng....năm 20....

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

ĐỘI NGŨ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CẤP

Biểu số 14

[illegible]

Chỉ tiêu	Bộ trưởng và tương đương	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
		Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND
Đao đẳng										
Đại học										
Thạc sĩ										
Tiến sĩ										
Lĩnh vực đào tạo										
Nội chính, pháp luật, quốc phòng, an ninh										
Kinh tế, tài chính										
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật										
Khoa học xã hội, nhân văn										
Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước										
Đối ngoại, hợp tác quốc tế										
Trình độ lý luận chính trị										
Đoạn cấp										
Trung cấp										
Đao cấp, cử nhân										
30/9/2020*										
Số lượng										
Trong đó:										
Nữ										
Dân tộc thiểu số										
Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác										
Độ tuổi										
Dưới 40 tuổi										
Từ 41 đến 45 tuổi										
Từ 46 đến 50 tuổi										
Từ 51 đến 55 tuổi										
Từ 56 tuổi trở lên										
Trình độ chuyên môn										
Trung cấp										
Đao đẳng										
Đại học										
Thạc sĩ										
Tiến sĩ										
Lĩnh vực đào tạo										
Nội chính, pháp luật, quốc phòng, an ninh										
Kinh tế, tài chính										
Khoa học tự nhiên, kỹ thuật										
Khoa học xã hội, nhân văn										
Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước										
Đối ngoại, hợp tác quốc tế										
Trình độ lý luận chính trị										
Đoạn cấp										
Trung cấp										
Đao cấp, cử nhân										

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

..., ngày...tháng...năm 20...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

STT	Đơn vị	Giám số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh				Giám số đơn vị sự nghiệp cấp huyện				Giám số lượng cấp phó		Giám số đầu mối bên trong		Giám số người hưởng lương từ ngân sách		
		Trong đó			Tổng số	Giám do hợp nhất	Giám do tự chủ 100% kinh phí	Giám do giải thể	Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Tổng số	Trong đó	
		Giám do hợp nhất	Giám do tự chủ 100% kinh phí	Giám do giải thể											Cấp tỉnh	Cấp huyện
2	Y tế															
3	Khoa học và công nghệ															
4	Sự nghiệp kinh tế															
5	Sự nghiệp khác															
6	Thông tin và truyền thông															
	Tổng cộng															

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng....năm 20....

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI, THỰC HIỆN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ

Biểu số 17

		Tuyển mới	Nghỉ hưu đúng tuổi	Giảm theo NĐ của Chính phủ**	Số biên chế giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4+5-3	8
Từ 17/4/2015 - 30/6/2019						
I	Khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH					
1	Cấp tỉnh					
2	Cấp huyện					
II	Khối chính quyền địa phương					
1	Cấp tỉnh					
2	Cấp huyện					
3	Cấp xã					
III	Đơn vị sự nghiệp					
	Tổng cộng					
Từ 01/7/2019 - 30/9/2020*						
I	Khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH					
1	Cấp tỉnh					
2	Cấp huyện					
II	Khối chính quyền địa phương					
1	Cấp tỉnh					
2	Cấp huyện					
3	Cấp xã					
III	Đơn vị sự nghiệp có thu					
	Tổng cộng					

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

(**) Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP)

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

..., ngày...tháng...năm 20....
T/M BAN THƯỜNG VỤ

TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NGHIỆM CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

Biểu số 18

T	Danh mục	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị thực hiện		Giảm số lượng lãnh đạo		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh		Cấp huyện
					Lãnh đạo sở và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương
	2	3	4	5	6	7	8
	25/10/2017						
	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị						
	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc						
	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ						
	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra						
	30/6/2019						
	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị						
	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc						
	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ						
	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra						
	30/9/2020*						
	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị						
	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc						
	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ						

Danh mục	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị thực hiện		Giảm số lượng lãnh đạo		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh		Cấp huyện
				Lãnh đạo sở và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương
Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra						

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII ..., ngày...tháng....năm 20....

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ